Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3901.30.00

Mã HS	3901.30.00
Mô tả hàng hóa	Các polyme từ etylen, dạng nguyên sinh / - Các copolyme etylen-vinyl axetat
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 13:16:36
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/39013000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5676
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	199/2025/NĐ-CP	2025-07-08	BT2026!N5676
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5676
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5469
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5430
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5430
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5430
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5430
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5430
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5430
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5474
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5474

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5474
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5474
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5474
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5474
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5472
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5472
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5472
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5472
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5472
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5472
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5474
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5436
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5432
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5432
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5432
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5432
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5432
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5432
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5441
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5441
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5441
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5441
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5441
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5441
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5482
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5482

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5482
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5482
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5482
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5482
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5483
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5483
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5483
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5483
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5483
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5483
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5486
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5486
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5486
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5486
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5486
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5486
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5455
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5455
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5455
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5455
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5455
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5455
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5457
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5457
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5457
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5457

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5457
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5457
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5455
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5455
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5455
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5455
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5455
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5455
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5455
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5476
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5476
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5476
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5476
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5476
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5476
RCEP B	2022	2022	0	B!D5476
RCEP B	2023	2023	0	B!E5476
RCEP B	2024	2024	0	B!F5476
RCEP B	2025	2025	0	B!G5476
RCEP B	2026	2026	0	B!H5476
RCEP B	2027	2027	0	B!I5476
RCEP C	2022	2022	0	C!D5476
RCEP C	2023	2023	0	C!E5476
RCEP C	2024	2024	0	C!F5476
RCEP C	2025	2025	0	C!G5476
RCEP C	2026	2026	0	C!H5476

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I5476
RCEP D	2022	2022	0	D!D5476
RCEP D	2023	2023	0	D!E5476
RCEP D	2024	2024	0	D!F5476
RCEP D	2025	2025	0	D!G5476
RCEP D	2026	2026	0	D!H5476
RCEP D	2027	2027	0	D!I5476
RCEP E	2022	2022	0	E!D5479
RCEP E	2023	2023	0	E!E5479
RCEP E	2024	2024	0	E!F5479
RCEP E	2025	2025	0	E!G5479
RCEP E	2026	2026	0	E!H5479
RCEP E	2027	2027	0	E!I5479
RCEP F	2022	2022	0	F!D5476
RCEP F	2023	2023	0	F!E5476
RCEP F	2024	2024	0	F!F5476
RCEP F	2025	2025	0	F!G5476
RCEP F	2026	2026	0	F!H5476
RCEP F	2027	2027	0	F!I5476
VIFTA	2024	2024	0	VI!F5042
VIFTA	2025	2025	0	VI!G5042
VIFTA	2026	2026	0	VI!H5042
VIFTA	2027	2027	0	VI!I5042

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3901.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3901.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5676), căn cứ 199/2025/NĐ-CP.		199/2025/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.